

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **06 - 5 - 2020**

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Hải Hùng**

Bà **Trần Thị Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 494/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 26/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: số 1228 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, được Ủy ban nhân dân phường N cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 202 ngày 22/11/2011. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T hay nhậu nhẹt, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, ông T có những lời lẽ xúc phạm gia đình bà, không có trách nhiệm với gia đình và vợ chồng không có tiếng nói chung. Dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng không hòa giải được. Nay bà

không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/7/2013 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/7/2018. Nguyên vọng bà được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa để giải quyết vụ án chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/7/2013 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/7/2018. Nguyên vọng bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các cháu còn nhỏ và hiện do bà H trực tiếp chăm sóc nên cần tiếp tục giao hai cháu cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông T đang làm việc tại Nha Trang nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm nhà tại tổ dân phố 7, phường N, thị xã N. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông T không hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn gia

đình thường xuyên xảy ra và kéo dài, khả năng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ gia đình không còn. Hiện nay, bà H và ông T không còn quan tâm đến nhau. Hơn nữa, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến Tòa làm việc, chứng tỏ ông không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà H.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/7/2013 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/7/2018. Nguyên vọng bà H được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu B và cháu K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dưỡng cháu B và cháu K do bà H đảm nhiệm và ông T cũng không có trách nhiệm với vợ con. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu B và cháu K trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày: 25/7/2013 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày: 24/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn T có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0008983 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hiệp;
- Những người TGT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH